

Số: 208/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
Chào bán chứng quyền có bảo đảm

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;
Căn cứ Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm;
Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm;
Căn cứ Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 111/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
Căn cứ hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm của Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm cho Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các nội dung sau:

1. Tên chứng quyền: Chứng quyền VPB/BSC/C/6M/EU/Cash/2021-01
2. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VPB
3. Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
4. Tổng số lượng chào bán: 1.500.000 chứng quyền
5. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1
6. Thời hạn của chứng quyền: 6 tháng

7. Loại chứng quyền: Mua
8. Kiểu chứng quyền: Châu Âu
9. Phương thức thực hiện chứng quyền: Bằng tiền
10. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Điều 2. Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 3. Giấy Chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giấy chứng nhận này được lập thành 05 bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, 01 bản gửi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Sơn